

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Bích Thuận
2. Ông Nguyễn Nghĩa Quy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Phó Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 99/2019/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; cư trú tại: Thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn H, sinh năm 1982; cư trú tại: Thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2019 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn H kết hôn với nhau ngày 11 tháng 12 năm 2001 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh H, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Năm 2013, vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Đến năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau trong việc chi tiêu gia đình, làm ăn kinh tế. Anh H đã nhiều lần có hành vi bạo hành đối với

chị và các con, vì vậy chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 12 năm 2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh H, vợ chồng chị nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có hai con chung là cháu Bùi Lê T, sinh ngày 12/6/2003 và cháu Bùi Ngọc D, sinh ngày 05/02/2006. Hiện nay cháu T đang ở với chị, cháu D đang ở cùng anh H. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi cháu T, để anh H nuôi cháu D, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị hiện tại làm công nhân tại khu công nghiệp K có thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng, nên chị có điều kiện để nuôi cháu T.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Văn H trình bày (Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2019): Anh thừa nhận lời khai của chị H về thời gian kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng cũng như nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là đúng. Anh thừa nhận kể từ ngày hai vợ chồng anh sống ly thân nhau vợ chồng cũng không có biện pháp nào cải thiện tình cảm vợ chồng. Nay chị H xin ly hôn anh, anh xác định anh không cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị H, anh đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Bùi Lê T, sinh ngày 12/6/2003 và cháu Bùi Ngọc D, sinh ngày 05/02/2006. Hiện nay cháu T đang ở với chị H, cháu D đang ở cùng anh. Ly hôn anh có nguyện vọng nếu anh nuôi thì nuôi cả hai cháu, nếu chị H nuôi thì nuôi cả hai cháu và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung. Anh hiện tại làm nghề thợ xây có thu nhập khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng, nên anh có điều kiện để nuôi các cháu.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân huyện B thụ lý vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập, kiểm tra, công khai tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên tòa đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Đề nghị giao cho chị H được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Lê T, sinh ngày 12/6/2003. Anh Bùi Văn H được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Ngọc D, sinh ngày 05/02/2006, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Bùi Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của các đương sự và lời khai tại phiên tòa thể hiện việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn H trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hợp pháp. Quá trình kết hôn, anh H không chịu khó làm ăn, không quan tâm tới gia đình, vợ con, anh đã nhiều lần đe dọa và bạo hành chị H và chính quyền địa phương phải đến can thiệp. Đó là nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Tháng 12 năm 2018, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân hoàn toàn với anh H, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, không còn tình cảm vợ chồng với nhau. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là anh Bùi Văn H nhiều lần để tiến hành hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Các đương sự đều thừa nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Bùi Lê T, sinh ngày 12/6/2003 và cháu Bùi Ngọc D, sinh ngày 05/02/2006. Hiện nay cháu T đang ở với chị H, cháu D đang ở cùng anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H có nguyện vọng xin được nuôi cháu T, anh H có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Xét thấy, về điều kiện thu nhập của các đương sự là như nhau, chị H có nghề nghiệp là công nhân có thu nhập khoảng 5 triệu đồng/tháng, anh H có nghề nghiệp làm thợ xây có thu nhập khoảng 3 triệu đồng đến 4 triệu/tháng. Xét nguyện vọng cháu T xin được ở với mẹ, cháu D xin được ở với bố. Do vậy để đảm bảo sự chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ, nên cần giao cháu Bùi Lê T, sinh ngày 12/6/2003 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Ngọc D, sinh ngày 05/02/2006 cho anh Bùi Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều không đề nghị xem xét nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Lệ T, sinh ngày 12/6/2003 (Hiện nay cháu T đang ở cùng chị H). Giao cho anh Bùi Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc D, sinh ngày 05/02/2006 (Hiện nay cháu D đang ở cùng anh H). Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003402 ngày 13 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND H.B;
- Chi cục THADS H.B;
- UBND xã T, H.B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Anh Vũ